

Thực trạng và giải pháp phát triển chương trình đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội tại các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Nguyễn Hữu Văn

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang

Phát triển chương trình đào tạo nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xem là nền tảng cốt lõi định hướng các hoạt động khác trong hoạt động đào tạo ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy có nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đầu tư đúng mức cho công việc này. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tập trung tìm hiểu lý thuyết về phát triển chương trình đào tạo và tiến hành điều tra, khảo sát, phân tích thực trạng việc phát triển chương trình đào tạo, qua đó đề xuất quy trình phát triển chương trình đào tạo ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

1. Giới thiệu

Quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục nghề nghiệp nói riêng ở nước ta đã và đang đặt ra những yêu cầu mới về nội dung và chương trình đào tạo. Tuy nhiên, chương trình đào tạo nói chung và chương trình đào tạo nghề nói riêng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vẫn còn lạc hậu so với nhu cầu xã hội do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân cơ bản là công tác nghiên cứu ứng dụng trong phát triển chương trình đào tạo chưa được quan tâm đúng mức, việc thiết kế chương trình đào tạo còn nặng về kinh nghiệm, thiếu đội ngũ chuyên gia và chưa có sự tham gia tích cực của các đơn vị sử dụng lao động trong việc đóng góp “xây dựng, thiết kế, phát triển chương trình đào tạo”. Vấn đề này được chỉ rõ trong Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 06 năm 2012 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020: “Nội dung chương trình, phương pháp dạy và học, công tác thi, kiểm tra, đánh giá chậm được đổi mới. Nội dung chương trình còn nặng về lý thuyết, phương pháp dạy học lạc hậu, chưa phù hợp với đặc thù khác nhau của các loại hình cơ sở giáo dục, vùng miền và các đối tượng người học; nhà trường chưa gắn chặt với đời sống kinh tế, xã hội, chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu xã hội; chưa chú trọng giáo dục kỹ năng sống, phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên”.

Với những lý do trên, chúng tôi tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng việc phát triển chương trình đào tạo nghề ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, nhằm đề xuất quy trình phát triển chương trình đào tạo ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Thực trạng phát triển chương trình đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại tỉnh Hậu Giang:

Kết quả lấy ý kiến cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV), nhân viên (NV) ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; lấy ý kiến lãnh đạo cơ quan nhà nước (LĐ CQNN) và các cơ sở sử dụng lao động (CS SDLĐ); lấy ý kiến sinh viên (SV) đang học và sinh viên tốt nghiệp ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện đang làm việc tại các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh Hậu Giang về nội dung quản lý phát triển chương trình đào tạo.

2.1. Thực trạng về nội dung quản lý chương trình đào tạo:

Kết quả nghiên cứu cho thấy, quản lý phát triển chương trình đào tạo ở mức độ khá. Các nội dung đều có điểm trung bình trên 3.9. Cụ thể, nội dung có điểm trung bình cao nhất là nội dung tổ chức, thực hiện kế hoạch với điểm trung bình 4.02. Tiếp theo là nội dung lập kế hoạch phát triển chương trình đào tạo với điểm trung bình là 3.98. Kế tiếp là nội dung chỉ đạo, theo dõi phát triển chương trình đào tạo với điểm trung bình là 3.94. Cuối cùng là nội dung kiểm tra, đánh giá phát triển chương trình đào tạo với điểm trung bình là 3.92.

Đầu tiên, trong nội dung lập kế hoạch, quản lý phát triển chương trình đào tạo có điểm trung bình ở mức khá trên 3.9 lần lượt: Xác định mục tiêu, cấu trúc nội dung đào tạo và thời lượng đào tạo cao nhất với điểm trung bình là 4.01; Xây dựng các loại kế hoạch cho việc thực hiện phát triển chương trình đào tạo có điểm trung bình 3.99 xếp ở vị trí thứ hai; Vị trí thứ ba là nội dung Xác định và đánh giá tình hình phát triển chương trình đào tạo với điểm trung bình là 3.98; nội dung Xác

định các nguồn lực cho việc thực hiện phát triển chương trình đào tạo có điểm trung bình là 3.95 xếp vị trí thứ tư. Cuối cùng là nội dung Xây dựng quy chế phát triển chương trình đào tạo có điểm trung bình 3.94. Điều này cho thấy việc xác định nhiệm vụ, mục tiêu, xây dựng quy chế phát triển, xác định các nguồn lực được chú trọng nhưng chỉ vẫn dừng ở mức độ khá.

Trong nội dung tổ chức thực hiện quản lý phát triển chương trình đào tạo cả năm nội dung cụ thể đều có điểm trung bình ở mức khá. Trong đó, nội dung quản lý có điểm trung bình cao nhất là theo dõi, đôn đốc cán bộ, giảng viên thực hiện kế hoạch phát triển chương trình đào tạo với 4.06 điểm, đây cũng là mức điểm trung bình cao nhất trong quản lý việc chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên. Tuy đứng ở vị trí thứ nhất nhưng vẫn có đến 1.3% tỷ lệ chọn yếu và 19.4% tỷ lệ chọn trung bình. Tiếp đến là hai nội dung Hướng dẫn cán bộ, giảng viên thực hiện kế hoạch phát triển chương trình đào tạo và Ra những quyết định điều chỉnh chương trình đào tạo theo các điều kiện đáp ứng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị) có điểm trung bình là 4.02.

Trong nội dung chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện kế hoạch phát triển chương trình đào tạo có sáu nội dung cụ thể đều có điểm trung bình ở mức khá. Cao nhất là nội dung Theo dõi, đôn đốc cán bộ, giảng viên thực hiện kế hoạch phát triển chương trình đào tạo với điểm trung bình là 4.06. Hai nội dung xếp vị trí thứ hai có điểm trung bình bằng nhau là: Hướng dẫn cán bộ, giảng viên thực hiện kế hoạch phát triển chương trình đào tạo; Ra những quyết định điều chỉnh chương trình đào tạo theo các điều kiện đáp ứng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị) với điểm trung bình 4.02. Xếp vị trí thứ ba là nội dung Theo sự tiến bộ của khoa học công nghệ để tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo có điểm trung bình là 3.86.

Cuối cùng, các nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện phát triển chương trình đào tạo đều có điểm trung bình trên 3.9 rơi ở mức khá của thang đo. Nội dung Yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo về tình hình điều chỉnh chương trình đào tạo theo năm học có điểm trung bình cao nhất với 4.0. Tiếp theo là nội dung Xây dựng và phổ biến những qui định về kiểm tra công tác phát triển chương trình đào tạo với điểm trung bình 3.97. Kế đó là nội dung Kết hợp các hình thức kiểm tra định kỳ theo năm học trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo với điểm trung bình 3.92. Xếp vị trí thứ tư là nội dung: Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm điều chỉnh chương trình đào tạo với 3.91. Vị trí thứ năm là nội dung Có chế độ khen thưởng và xử phạt hợp lý trong việc thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo có điểm trung bình 3.80.

2.2. Thực trạng về mức độ phù hợp của chương trình đào tạo nghề:

Kết quả nghiên cứu cho thấy, theo đánh giá của cán

bộ quản lý, giảng viên, nhân viên cả ba nội dung đánh giá về chương trình đào tạo ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp đều có tỷ lệ chọn phù hợp trên 70%. Cụ thể:

- Nội dung mục tiêu đào tạo có tỷ lệ chọn cao nhất với 77% tỷ lệ chọn phù hợp và 20.3% tỷ lệ chọn rất phù hợp. Tổng tỷ lệ này lên đến 97.3%. Chiếm hơn 4/5 mẫu nghiên cứu. Đây cũng là nội dung có tỷ lệ sinh viên chọn phù và rất phù hợp cao nhất với tổng tỷ lệ lên đến 97%. Tuy nhiên theo đánh giá của lãnh đạo cơ quan nhà nước và cơ sở sử dụng lao động nội dung này chỉ xếp vị trí thứ ba với tổng tỷ lệ chọn phù hợp và rất phù hợp là 82.4%

- Xếp vị trí thứ hai là Nội dung cấu trúc nội dung đào tạo có 79% tỷ lệ chọn phù hợp và 16.5% tỷ lệ chọn rất phù hợp. Tổng tỷ lệ này lên đến 95.5%. Chiếm hơn 4/5 mẫu nghiên cứu. SV cũng nội dung này cũng được xếp vị trí thứ hai 74.6% tỷ lệ chọn phù hợp và 21.3% tỷ lệ chọn rất phù hợp. Nhưng theo đánh giá của lãnh đạo cơ quan nhà nước và cơ sở sử dụng lao động nội dung này chỉ xếp vị trí thứ ba với tổng tỷ lệ chọn phù hợp và rất phù hợp là 80.6%.

- Cuối cùng, Nội dung thời lượng đào tạo xếp vị trí thứ ba có 73.6% tỷ lệ chọn phù hợp và 19.6% tỷ lệ chọn rất phù hợp. Tổng tỷ lệ này lên đến 93.2%. Chiếm hơn 4/5 mẫu nghiên cứu. Vị trí xếp hạng này cũng được sinh viên đánh giá dành cho nội dung trên với tổng tỷ lệ chọn phù hợp và rất phù hợp là 93.8%. Tuy nhiên theo đánh giá của lãnh đạo cơ quan nhà nước và cơ sở sử dụng lao động nội dung này lại được đánh giá cao nhất với tổng tỷ lệ chọn phù hợp và rất phù hợp là 84.2%

Có thể thấy, cả ba nội dung về chương trình đào tạo đều có tỉ lệ chọn phù hợp rất cao. Như vậy chương trình đào tạo ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với người học tuy nhiên mức độ rất phù hợp ở cả ba nội dung vẫn chưa cao chỉ dao động từ 16.5% đến 20.3% theo đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên dao động từ 21% đến 26%. Do đó, các cán bộ quản lý cần nâng cao chất lượng cũng như cần có sự thay đổi, điều chỉnh trong mục tiêu, cấu trúc nội dung đào tạo và thời lượng đào tạo để nâng cao mức độ phù hợp của chương trình đào tạo đảm bảo đáp ứng nhu cầu người học.

2.3. Thực trạng về tính đồng thuận trong xây dựng chương trình đào tạo nghề:

Kết quả cho thấy, theo đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong ba nội dung xây dựng chương trình đào tạo ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp chỉ có một nội dung có tần số đồng ý cao nhất chiếm hơn 80%, hai nội dung còn lại chỉ có tần số đồng ý dưới 26%, cụ thể:

- Xếp vị trí đầu tiên là nội dung xây dựng chương trình đào tạo theo tin có 85.6% tần số đồng ý, chiếm hơn 4/5 mẫu nghiên cứu. Đây cũng là nội dung có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất với 84.1% sinh viên lựa chọn

- Tiếp theo, nội dung xây dựng chương trình đào

tạo theo modul xếp vị trí thứ hai có 25.1% tần số đồng ý, chiếm hơn 1/5 mẫu nghiên cứu. Tuy nhiên, theo đánh giá của sinh viên nội dung này có tỷ lệ đồng ý là 9.7% xếp vị trí thứ ba.

- Cuối cùng, nội dung xây dựng chương trình đào tạo theo niên chế xếp vị trí thứ ba chỉ có 18.1% tần số đồng ý, chiếm dưới 1/5 mẫu nghiên cứu. Nội dung này lại có tỷ lệ sinh viên đồng ý xếp vị trí thứ hai với 14.7%.

Có thể thấy, có sự khác biệt trong đánh giá về xây dựng chương trình đào tạo ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giữa cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên giữa hai nội dung xây dựng chương trình đào tạo theo niên chế và xây dựng chương trình đào tạo theo mô đun. Tuy nhiên, cả hai nhóm khách thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên đều cho rằng nên xây dựng chương trình đào tạo tín chỉ thay cho chương trình đào tạo niên chế. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có năng lực, khả năng thích nghi và học tập suốt đời.

2.4. Thực trạng về mức độ phù hợp chương trình đào tạo đào tạo nghề:

Kết quả khảo sát cho thấy, điểm trung bình chung trong việc đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp so với yêu cầu của các cơ sở sử dụng lao động dựa trên đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên có điểm trung bình là 3.74 và sinh viên là 3.85 đều rơi vào mức khá của thang đo.

Theo đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên cả ba nội dung đều có điểm trung bình trên 3.60 rơi ở mức khá của thang đo, cụ thể:

- Xếp vị trí đầu tiên là nội dung về kiến thức có điểm trung bình là 3.85 với 61% tỷ lệ chọn tương đối cao và 12.6% tỷ lệ chọn cao, tổng tỷ lệ này lên đến 73.6%, chiếm hơn 3/10 mẫu nghiên cứu. Nhưng theo đánh giá của sinh viên nội dung này chỉ xếp vị trí thứ hai với điểm trung bình là 3.83.

- Xếp vị trí thứ hai là nội dung về thái độ, tác phong nghề nghiệp có điểm trung bình là 3.71 với 49.6% tỷ lệ chọn tương đối cao và 13.7% tỷ lệ chọn cao, tổng tỷ lệ này 63.3%. Tuy nhiên, theo đánh giá của sinh viên đây là nội dung được đánh giá phù hợp nhất với điểm trung bình là 3.82.

- Cuối cùng là nội dung về kỹ năng có điểm trung bình 3.67 với 52.6% tỷ lệ chọn tương đối cao và 9.7% tỷ lệ chọn cao, tổng tỷ lệ này là 62.2%. Đây cũng là nội dung có tỷ lệ SV chọn thấp nhất với điểm trung bình là 3.82.

3. Giải pháp phát triển chương trình đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội tại tỉnh Hậu Giang:

- Căn cứ vào sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, nhóm thực thi được phân công tiến hành khảo sát thị trường lao động, xây dựng hồ sơ năng lực, đánh giá xu hướng phát triển của ngành đào tạo, đồng thời nghiên cứu các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài

nước. Nhóm thực thi đề xuất cho nhóm chỉ đạo (thông qua Ban thư ký) về việc xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

- Ban Giám hiệu phê duyệt đề xuất và chỉ đạo thành lập nhóm thực thi thực hiện xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo. Nhóm thực thi tiến hành xây dựng, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành đào tạo. Xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo chú trọng việc rà soát chương trình đào tạo nhằm đảm bảo tính hệ thống, tính liên thông với các chương trình đào tạo giữa các bậc và hệ đào tạo. Sản phẩm của bước này là dự thảo chương trình đào tạo lần 1.

- Trên cơ sở dự thảo chương trình đào tạo lần 1, nhóm thực thi tiến hành tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan (đơn vị sử dụng lao động, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục,...). Thông tin thu thập được, nhóm thực thi hoàn chỉnh chương trình đào tạo để đưa ra sản phẩm là dự thảo chương trình đào tạo lần 2.

- Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở dự thảo chương trình đào tạo lần 2, nhóm thực thi tiến hành xây dựng, điều chỉnh các chương trình học phần (CTHP) và chương trình giảng dạy học phần (CT GDHP) theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Lập kế hoạch thực hiện việc biên soạn, cập nhật và bổ sung nguồn học liệu phục vụ cho chương trình đào tạo. Thành lập Hội đồng thẩm định việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo. Hoàn tất việc thẩm định, ra quyết định ban hành và tổ chức triển khai thực hiện chương trình theo quy định hiện hành.

- Tự đánh giá chương trình đào tạo hàng năm từ đó tìm ra và khắc phục tính không phù hợp của chương trình./.

Tài liệu tham khảo

Trần Khánh Đức (2014). Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực thế kỷ XXI. Nxb Giáo dục Việt Nam.

Phạm Hữu Lộc (2016). Phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Tạp chí Giáo dục số 381.

Nguyễn Danh Nam (2019). Phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên.

Quốc hội (2014). Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.